TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 393/2026/QĐST-HNGĐ	*Thạch Thất, ngày 17 tháng 6 năm 2026.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số 375/2026/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 6 năm 2026. Giữa:

- Nguyên đơn: Chị Kiều Thị T, sinh năm 2005; Căn cước công dân số 001305032322.

- Bị đơn: Anh Tạ Xuân T1, sinh năm 2000. Căn cước công dân số 001200041006.

Cùng đăng ký thường trú tại: Xóm B, thôn N, xã K, thành phố Hà Nội.

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Kiều Thị T và anh Tạ Xuân T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị T và anh T1 có một con chung Tạ Minh Q sinh ngày 07/5/2023. Giao anh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị T đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh T1 xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị Kiều Thị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013315 ngày 03/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị T được hoàn lại số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 10, Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Kiều Phú, Hà Nội (xã Ngọc Liệp cũ, số đăng kí kết hôn 30/2023);
- Lưu: hồ sơ; VPTA.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thuý